

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 30/11/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	239.056	137.365	-	-	101.691	198.319	108.004	0	0	90.316	83,0	
A	VỐN TỈNH QUẢN LÝ	950	950	-	-	-	950	950	0	0	0	100,0	
	Dự án tất toán, thanh toán khối lượng												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nôt, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	136.415	136.415	-	-		107.054	107.054	0	0		78,5	
I	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	49.230	49.230	0	0	16.110	32.783	32.783	0	0	15.000	66,6	
*	Khởi công mới												
1	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	790	790			450	790	790			450	100,0	
2	Lăng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hùn) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	725	725			320	725	725			320	100,0	
3	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	460	460			450	460	460			450	100,0	
4	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	245	245			220	245	245			220	100,0	
5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	260	260			310	260	260			310	100,0	
6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	255	255			230	255	255			230	100,0	
7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	735	735			900	735	735			900	100,0	
8	Lăng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	835	835			380	835	835			380	100,0	
9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	300	300			295	300	300			295	100,0	
10	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	470	470			450	470	470			450	100,0	
11	Lăng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	535	535			490	535	535			490	100,0	
12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	175	175			170	175	175			170	100,0	
13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	355	355			330	355	355			330	100,0	
14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140	140			140	140	140			140	100,0	
15	Lăng nhựa đường trục ấp đường cấp vắn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	565	565			500	565	565			500	100,0	
16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	290	290			270	290	290			270	100,0	
17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	300	300			270	300	300			270	100,0	
18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	135	135			130	135	135			130	100,0	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	120	120			110	120	120			110	100,0	
20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ổ) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	90	90			80	90	90			80	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thanh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngăn Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	310	310			270	310	310			270	100,0	
22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thanh	380	380			340	380	380			340	100,0	
23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh (nhà ông Đắc)	455	455			300	455	455			300	100,0	
24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thanh	510	510			630	510	510			630	100,0	
25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thía) ấp Phước Hội A, xã Phước Thanh	260	260			290	260	260			290	100,0	
26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	225	225			220	225	225			220	100,0	
27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thanh	255	255			220	255	255			220	100,0	
28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bôi)	135	135			125	135	135			125	100,0	
29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đàng Văn Rảnh)	135	135			145	135	135			145	100,0	
30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	390	390			360	390	390			360	100,0	
31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	170	170			165	170	170			165	100,0	
32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thanh	300	300			290	300	300			290	100,0	
33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	275	275			240	275	275			240	100,0	
34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	280	280			250	280	280			250	100,0	
35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	300	300			260	300	300			260	100,0	
36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	0				485	0	0			335		
37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	0				950	0	0			650		
38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	0				420	0	0			320		
39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				410	0	0			410		
40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	0				650	0	0			570		
41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250	250			250	250	250			250	100,0	
42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rông, xã Thanh Đức	435	435			410	435	435			410	100,0	
43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thanh	700	700			600	700	700			600	100,0	
44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	0				1.120	0	0			640		
45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	510	510			215	510	510			215	100,0	
46	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lặc đến hộ bà Phạm Thị Dén) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	450	450				450	450				100,0	
47	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhà đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	400	400				400	400				100,0	
48	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhờ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	350	350				350	350				100,0	
49	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	300	300				300	300				100,0	
50	Làng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thạnh	1.500	1.500				1.109	1.109				74,0	
51	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đà Háng, xã Hiệp Thạnh	1.000	1.000				961	961				96,1	
52	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	850	850				795	795				93,5	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
53	BTXM đường trục áp đường đối diện VP ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thạnh	450	450				436	436				97,0	
54	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 4 (2 nhánh) ấp Cây Đa, xã Hiệp Thạnh	250	250				250	250				100,0	
55	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 02 ấp Cầu Sắt xã Thanh Đức	300	300				291	291				96,9	
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 03 Đồng lúa gieo ấp Rộc B xã Thanh Đức	1.000	1.000				707	707				70,7	
57	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 20, đường nhánh số 20 và đường số 22 ấp Xóm Mía , xã Phước Trach	1.250	1.250				0	0				0,0	
58	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 7 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	520	520				194	194				37,4	
59	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ tổ 8-9 và tổ 12 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	520	520				375	375				72,1	
60	Nâng cấp BTXM đường trục áp đường số 4 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	160	160				52	52				32,7	
61	Sửa chữa đường số 24 ấp Xóm Mía, xã Phước Trach	320	320				116	116				36,3	
62	Cải tạo mương đường số 1A và đường nhánh 1B , xã Phước Trach	810	810				479	479				59,2	
63	Cải tạo mương đường số 5 ấp Cây Ninh, xã Phước Trach	600	600				223	223				37,1	
64	Nâng cấp BTXM đường trục áp đường tổ 13 và tổ 10-14 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	450	450				273	273				60,6	
65	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 23 ấp Bầu Vừng	625	625				224	224				35,9	
66	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 25 ấp Cây Ninh	400	400				386	386				96,6	
67	Sửa chữa Tiểu học Phước Trach	450	450				0	0				0,0	
68	Sửa chữa THCS Trần Hưng Đạo	500	500				0	0				0,0	
69	Sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Phước Trach	400	400				357	357				89,3	
70	Sửa chữa Nhà văn hóa - Thể thao ấp Bầu Vừng	50	50				15	15				30,0	
71	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường liên ấp Cẩm An - Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	500	500				186	186				37,2	
72	Làng nhựa đường trục áp đường liên ấp Cẩm Long - Cẩm Bình (đường Cẩm Giang 7), xã Cẩm Giang	450	450				251	251				55,7	
73	Làng nhựa đường trục áp đường số 15 QL22B ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	750	750				0	0				0,0	
74	Làng nhựa đường trục áp nhánh đường số 19 đoạn tổ 6,7,13 ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	450	450				0	0				0,0	
75	BTXM đường trục áp đường tổ 16-17-15; tổ 14-15; tổ 11-13 và tổ 11-12-9 ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	450	450				303	303				67,4	
76	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 17 Cẩm Long – Cẩm Bình (đường nhựa ven trường học Cẩm Long)	650	650				227	227				35,0	
77	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 3 (Đường Lon - Cây Cầy) ấp Cẩm Thăng xã Cẩm Giang	510	510				168	168				32,9	
78	Sửa chữa Trường THCS Lê lợi	680	680				488	488				71,8	
79	Sửa chữa, nâng cấp Hàng rào Trường Mầm Non Cẩm Giang (Điểm chính)	300	300				118	118				39,5	
80	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa – Thể thao ấp Cẩm An	200	200				68	68				34,1	
81	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa – Thể thao ấp Cẩm Long	250	250				195	195				78,2	
82	Nâng cấp sân nền khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Cẩm Giang	420	420				308	308				73,3	
83	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Cẩm Giang	150	150				52	52				34,4	
84	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 12 ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thạnh	720	720				244	244				33,9	
85	Làm mới mương thoát nước và sửa chữa đường vào Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh, ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thạnh	1.720	1.720				1.058	1.058				61,5	
86	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-13 nội đồng	650	650				240	240				36,9	
87	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-15 tại K7+812 nội đồng	400	400				125	125				31,2	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
88	Nâng cấp cống ngăn triều trên bờ hữu Suối Cà nôm (T4B Rach Nho)	130	130				44	44				34,2	
89	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp đường số 1-QL22B (Đường liên ấp Bông Trang-Bến Chò), xã Thanh Đức	2.040	2.040				1.195	1.195				58,6	
90	Nâng cấp láng nhựa đường liên ấp Bến Đình - Trà Vô (nhà nghỉ Thanh Việt), xã Thanh Đức	500	500				259	259				51,8	
91	Nâng cấp láng nhựa đường số 6 -QL22B Ấp Bông Trang, xã Thanh Đức	630	630				439	439				69,7	
92	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường tổ 5-6-7 và đường đường 9/5 (tổ 15) ấp Bến Rộng xã Thanh Đức	420	420				377	377				89,7	
93	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường tổ 12-13 ấp Bến Rộng xã Thanh Đức	760	760				577	577				76,0	
94	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường nhánh đường số 14 - QL 22B, ấp Trà Vô xã Thanh Đức	490	490				340	340				69,3	
95	Sửa chữa đường số 15 ấp Bến Mương xã Thanh Đức	580	580				204	204				35,1	
96	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND Đường trục ấp đường tổ 06 Đuôi Sa ấp Rộc B xã Thanh Đức	500	500				327	327				65,4	
97	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh số 22 (tổ 8-9-10) ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	530	530				176	176				33,1	
98	Sửa chữa, cải tạo đường số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	500	500				297	297				59,5	
99	Sửa chữa đường Lon ấp Phước Hoà - Phước Đông, xã Phước Thạnh	610	610				204	204				33,5	
100	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh đường hẻm 293 ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	360	360				123	123				34,1	
101	Sửa chữa đường và cải tạo mương thoát nước đường đến trung tâm xã Phước Thạnh	2.150	2.150				0	0				0,0	
102	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Phước Thạnh	440	440				155	155				35,2	
103	Sửa chữa Trường tiểu học Phước Hội	650	650				542	542				83,4	
104	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Phước Thạnh	370	370				352	352				95,2	
105	Sửa chữa chợ xã Phước Thạnh	360	360				342	342				94,9	
II	Chỉnh trang đô thị	60.000	60.000	0	0	0	50.042	50.042	0	0	0	83,4	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				29.620	29.620				98,7	
	Dự án chuyển tiếp												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				20.422	20.422				68,1	
III	Hỗ trợ khác	10.700	10.700	0	0	0	10.590	10.590	0	0	0	99,0	
	Dự án chuyển tiếp												
1	Trường Trung học cơ sở Thanh Đức	4.000	4.000				3.890	3.890				97,3	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				6.700	6.700				100,0	
IV	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025	6.485	6.485	0	0	0	6.485	6.485	0	0	0	100,0	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	1.835	1.835				1.835	1.835				100,0	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
V	Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	10.000	10.000	0	0	0	7.154	7.154	0	0	0	71,5	
1	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Bình	950	950				55	55				5,8	
2	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn	950	950				730	730				76,8	
3	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	475	475				416	416				87,7	
4	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	475	475				346	346				72,8	
5	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	475	475				368	368				77,5	
6	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thăng	475	475				368	368				77,6	
7	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rồng (điểm chính)	475	475				369	369				77,6	
8	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	475	475				382	382				80,4	
9	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bô (điểm chính)	475	475				353	353				74,3	
10	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bô (điểm Tâm Lanh)	475	475				329	329				69,2	
11	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Đa	475	475				199	199				42,0	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường trung học cơ sở Hiệp Thanh	475	475				422	422				88,9	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	475	475				452	452				95,3	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	475	475				446	446				93,9	
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn (điểm ấp 3)	475	475				440	440				92,7	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đôn	475	475				377	377				79,4	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đôn	475	475				395	395				83,1	
18	Nhà đa năng Trường Trung học cơ sở Bàu Đôn	975	975				706	706				72,4	
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN	101.691	-	-	-	101.691	90.316	-	-	-	90.316	88,8	
I	Nguồn cân đối ngân sách	12.190	0	0	0	12.190	10.666	0	0	0	10.666	87,5	
a	Ngân sách cấp huyện	11.190	0	0	0	11.190	10.430	0	0	0	10.430	93,2	
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học	3.000	0	0	0	3.000	2.937	0	0	0	2.937	97,9	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	1.500				1.500	1.500				1.500	100,0	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đôn	863				863	800				800	92,7	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	137				137	137				137	100,0	
1.4	Xây mới khôi nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thanh	500				500	500				500	100,0	
2	Chuẩn bị đầu tư	600	0	0	0	600	600	0	0	0	600	100,0	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	150				150	150				150	100,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	150				150	100,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	150				150	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	150				150	100,0	
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	7.590	0	0	0	7.590	6.893	0	0	0	6.893	90,8	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	700				700	648				648	92,6	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	700				700	100,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	700				700	700				700	100,0	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700				700	700				700	100,0	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	2.000				2.000	100,0	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.355				1.355	67,8	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	790				790	100,0	
b	Ngân sách cấp xã	1.000				1.000	236				236	23,6	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	73.681	0	0	0	73.681	67.609	0	0	0	67.609	91,8	
1	Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành	12.371	0	0	0	12.371	10.587	0	0	0	10.587	85,6	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đối ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)	1.200				1.200	926				926	77,2	
3	Đối ứng xây dựng nông thôn mới	16.110	0	0	0	16.110	15.550	0	0	0	15.550	96,5	
	Giao thông												
3.1	Làng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	450				450	450				450	100,0	
3.2	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	320				320	320				320	100,0	
3.3	Làng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thanh	450				450	450				450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thanh	220				220	220				220	100,0	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	310				310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	230				230	230				230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	900				900	900				900	100,0	
3.8	Làng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	380				380	380				380	100,0	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	295				295	295				295	100,0	
3.10	Làng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	450				450	450				450	100,0	
3.11	Làng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hồi B, xã Phước Thanh	490				490	490				490	100,0	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thanh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thanh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Làng nhựa đường trục ấp đường cấp vắn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thanh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCNĐ đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thanh	130				130	130				130	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó					
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		% so KH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110				110	110				110	100,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	80				80	80				80	100,0	
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà tro Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	340				340	340				340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	300				300	300				300	100,0	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	630				630	630				630	100,0	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thia) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	125				125	125				125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đăng Văn Rảnh)	145				145	145				145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	360				360	360				360	100,0	
3.31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	165				165	165				165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	240				240	240				240	100,0	
3.34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	250				250	250				250	100,0	
3.35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	260				260	260				260	100,0	
3.36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	485				485	485				485	100,0	
3.37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	950				950	950				950	100,0	
3.38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	420				420	420				420	100,0	
3.39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	410				410	410				410	100,0	
3.40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	650				650	570				570	87,7	
3.41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thanh Đức	250				250	250				250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức	410				410	410				410	100,0	
	Chiếu sáng - cây xanh												
3.43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	600				600	600				600	100,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	1.120				1.120	640				640	57,1	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	215				215	215				215	100,0	
4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác	44.000	0	0	0	44.000	40.546	0	0	0	40.546	92,1	
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	28.000				28.000	27.219				27.219	97,2	
4.2	Sở chỉ huy thống nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	4.000				4.000	2.612				2.612	65,3	
4.3	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	4.905				4.905	81,8	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
4.4	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thanh	5.000				5.000	4.809				4.809	96,2	
4.5	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000				1.000	100,0	
III	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	7.000	0	0	0	7.000	7.000	0	0	0	7.000	100,0	
I	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tư, xã Phước Trach	7.000				7.000	7.000				7.000	100,0	
IV	Chỉ ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100				2.100	2.100				2.100	100,0	
V	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm 2024	6.720	0	0	0	6.720	2.940	0	0	0	2.940	43,8	
1	Sửa chữa trường Tiểu học Đà Hàng	600				600	600				600	100,0	
2	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	500				500	0				0	0,0	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	300				300	300				300	99,8	
4	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	200				200	200				200	99,8	
5	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	500				500	500				500	100,0	
6	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	1.500				1.500	722				722	48,1	
7	Chỉnh trang đô thị thị trấn Gò Dầu	900				900	0				0	0,0	
8	Xây mới phòng Hồ Chí Minh trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	300				300	124				124	41,2	
9	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Huyện ủy và UBND huyện	800				800	276				276	34,5	
10	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Bình	20				20	20				20	100,0	
11	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn	20				20	20				20	100,0	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	10				10	10				10	100,0	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	10				10	10				10	100,0	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	10				10	10				10	100,0	
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thắng	10				10	10				10	100,0	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rông (điểm chính)	10				10	10				10	100,0	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	10				10	10				10	100,0	
18	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bô (điểm chính)	10				10	10				10	100,0	
19	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bô (điểm Tâm Lanh)	10				10	10				10	100,0	
20	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Đa	10				10	10				10	100,0	
21	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường trung học cơ sở Hiệp Thanh	10				10	10				10	100,0	
22	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	10				10	10				10	100,0	
23	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	10				10	10				10	100,0	
24	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn (điểm ấp 3)	10				10	10				10	100,0	
25	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đôn	10				10	10				10	100,0	
26	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đôn	10				10	10				10	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 30/11/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Giải ngân đến 30/11/2024	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
27	Nhà đa năng Trường Trung học cơ sở Bàu Đồn	30				30	30				30	100,0	
28	Chuẩn bị đầu tư	900				900	0					0,0	

Gò Dầu, ngày 4 tháng 12 năm 2024

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Tuyền